

CATALOGUE 2026

ANBINH ELEVATOR

An Binh Elevator and Equiment

ANBINH

MỤC LỤC

1. Thang máy tải khách	|	Passenger elevator	02
2. Thang máy quan sát	|	Observational elevator	19
3. Thang máy tải hàng	|	Freight elevator	21
4. Động cơ, tủ điều khiển	|	Motor, control cabinet	24
5. Chức năng	|	Features	29
6. Bản vẽ, thông số kỹ thuật	|	Technical information	33
7. Dịch vụ thang máy	|	Elevator services	41



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VẬN HÀNH VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Chuyên môn của chúng tôi :

Thiết kế & lắp đặt

Giám sát chất lượng

Bảo dưỡng sau khi vận hành

(Sửa chữa, nâng cấp, bảo trì)

Hướng tới kết quả cao nhất, chúng tôi – đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm tại Thang máy An Bình vẫn không ngừng nâng cao những tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn và thẩm mỹ trong lắp đặt thang máy, trở thành thương hiệu uy tín dẫn đầu trong ngành dịch vụ thang máy chất lượng cao tại Việt Nam và hướng tới thị trường khu vực. Đi cùng thời gian, chúng tôi luôn luôn cố gắng tối ưu hóa mọi nguồn lực và chất xám nhằm mang đến giải pháp di chuyển cho mỗi cá nhân, gia đình, tổ chức và vận tải hàng hóa an toàn và đẳng cấp.

Hài hòa giữa công năng sử dụng và tính thẩm mỹ trong quá trình xây dựng sản phẩm cho trải nghiệm sử dụng thang máy êm ái và thoải mái nhất. Chúng tôi cam kết chất lượng của chuyển động thang tốt nhất, độ bền dài lâu bằng việc tuân thủ chặt chẽ yêu cầu kỹ thuật và yếu tố khoa học của sản phẩm vận tải.

90%	*1000 +*	*800+*	*100%*
Linh kiện có sẵn tại kho	Hơn 1000 công trình	Hơn 800 khách hàng cá nhân, tổ chức	Tỉ lệ hài lòng tuyệt đối

THANG MÁY TẢI KHÁCH

Passenger elevator

Ứng dụng công nghệ tiên tiến mang đến chất lượng buồng cabin tinh xảo, thiết kế đồng bộ cũng như giảm thiểu tiếng ồn đảo bảo mang đến trải nghiệm thang máy tiện nghi nhất. Đối với dòng thang máy tải khách dùng trong gia đình, chúng tôi luôn luôn hướng tới tiê chuẩn kỹ thuật an toàn cao nhất, kết hợp tới thiết kế nội thất tinh tế, ấm cúng theo yêu cầu của mỗi khách hàng.



Chức năng nổi bật:

1. Tiết kiệm điện với hệ thống tắt đèn, quạt tự động khi không sử dụng.
2. Sử dụng công nghệ động cơ vô cấp, điều khiển VVVF cho vận hành cửa êm ái.
3. Cảm biến an toàn tại cửa đảm bảo an toàn cho người sử dụng ra vào thang máy.
4. Tự động đưa thang máy về tầng gần nhất và mở cửa khi xảy ra mất điện

THANG MÁY TẢI KHÁCH: THIẾT KẾ CABIN MẪU

Mẫu tiêu chuẩn

- Kích thước, tải trọng và nội thất cabin được thiết kế theo yêu cầu thực tế.
- Khung buồng chắc chắn, độ ổn định cao, thi công tinh xảo.
- Tính thẩm mỹ cao, tươi sáng, đương đại.
- Chất lượng inox 304 cao cấp gia công theo phương pháp hiện đại.



Cabin: Gương, vách Inox 304
Cửa: Inox 304
Vách sàn: Inox 304
Tay vịn: Inox 304
Sàn: Đá Granit



Mẫu tiêu chuẩn



AB - CB01

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi và gương.



AB - CB02

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi và gương.



AB - CB03

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi và gương.



AB - CB05A

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi và gương.

Mẫu tiêu chuẩn



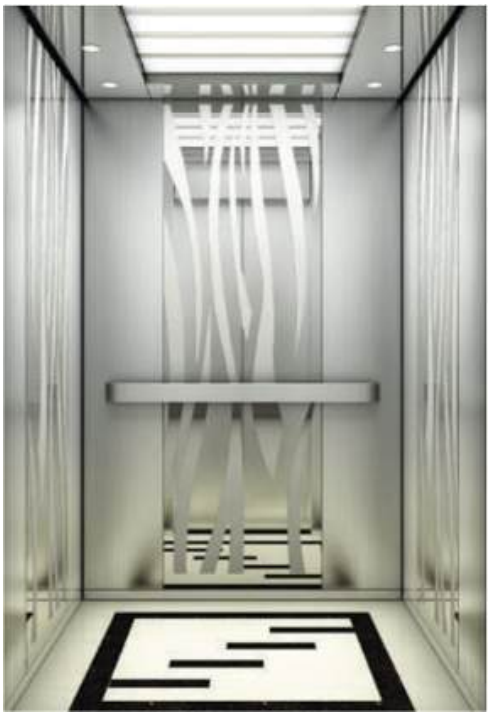
AB - CB05

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi, gương điêu khắc.



AB - CB06

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi, gương điêu khắc.



AB - CB08A

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn dẹt Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi, gương điêu khắc.



AB - CB08

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn tròn Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi, gương điêu khắc.

Mẫu chọn lọc



AB - CB11

Trần: Khung inox 304 mạ vàng.
Tay vịn: Tay vịn tròn mạ vàng.
Buồng cabin: Inox 304 sợi, gương điêu khắc mạ vàng.



AB - CB12

Trần: Khung inox 304 mạ vàng.
Tay vịn: Tay vịn tròn mạ vàng.
Buồng cabin: Inox 304 sợi, gương điêu khắc mạ vàng.



AB - CB14A

Trần: Khung Inox 304 hạt, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn dẹt Inox 304.
Buồng cabin: Inox 304 sợi và gương điêu khắc mạ vàng.



AB - CB14

Trần: Gương Inox 304, đèn LED.
Buồng cabin: Inox 304 sợi và gương mạ đồng.

Mẫu cao cấp



AB - CB21

Trần: Khung inox 304 mạ đồng, điêu khắc họa tiết, đèn LED.
Tay vịn: Inox 304 mạ đồng tròn.
Buồng cabin: inox 304 gương đồng, dán film vân da, đèn led vách sau.



AB - CB22

Trần: Khung inox 304 gương, đèn âm trần ánh sáng vàng.
Tay vịn: Inox 304 gương và vân gỗ trụ.
Buồng cabin: inox 304 gương CNC hoa văn, dán film vân da



AB - CB23

Trần: Khung inox 304 gương, dán film.
Tay vịn: Inox 304 dẹt sọc đen.
Buồng cabin: inox 304 dán film vân da, đèn led dán âm



AB - CB24

Trần: Khung inox 304 gương, dán film.
Tay vịn: Inox 304 dẹt sọc đen.
Buồng cabin: inox 304 dán film vân da, đèn led dán âm

MẪU TRẦN THANG MÁY



AB - CC01



AB - CC02



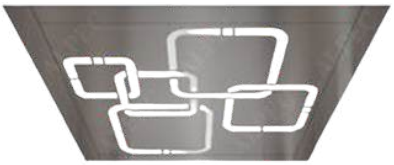
AB - CC03



AB - CC04



AB - CC05



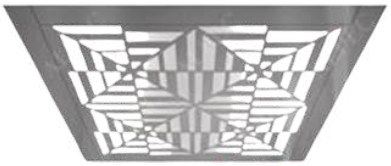
AB - CC06



AB - CC07



AB - CC08



AB - CC09



AB - CC10



AB - CC11



AB - CC12



AB - CC13



AB - CC14



AB - CC15

MẪU TRẦN THANG MÁY INOX MẠ



AB - CC21



AB - CC22



AB - CC23



AB - CC24



AB - CC25



AB - CC26

MẪU TRẦN THANG MÁY IN UV



AB - CUV01



AB - CUV02



AB - CUV03



AB - CUV04

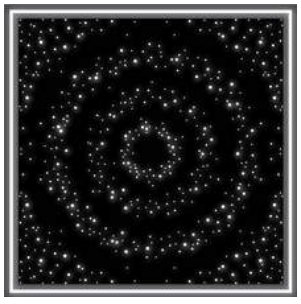


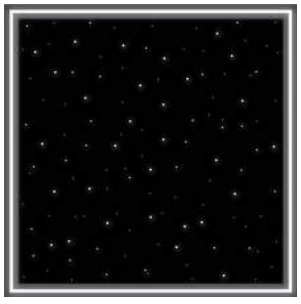
AB - CUV05



AB - CUV06

MẪU TRẦN SAO









*Lựa chọn đèn viền: trắng, vàng, xanh dương.

*Bộ trần đi kèm điều khiển chỉnh màu sắc ánh sáng của điểm sao.

THANG MÁY TẢI KHÁCH: CỬA TẦNG

- Chất liệu Inox 304 cao cấp.
- Kết cấu chắc chắn, đồng bộ.
- Vận hành êm ái, ổn định.
- Đảm bảo an toàn với độ chịu lực cửa theo phương nằm ngang tốt.
- Thiết kế theo yêu cầu công trình.
- Cảm biến vật cản nhạy bén giúp người sử dụng ra vào an toàn.

Thiết kế cửa tiêu chuẩn



Khung bao bản hẹp



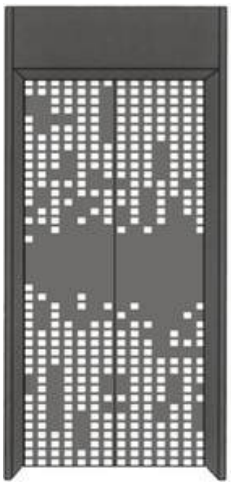
Khung bao bản rộng

Thiết kế cửa chọn lọc

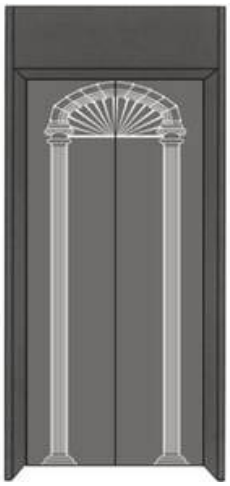
VẬT LIỆU: INOX SỌC NHUYỄN/ INOX GƯƠNG

- Màu trắng, màu vàng, màu đồng
  (Inox màu nào ăn mòn màu đó)
- Phần màu xám là vật liệu
- Phần màu trắng là vị trí ăn mòn

Thiết kế cửa điêu khắc



AB - LL01



AB - LL02



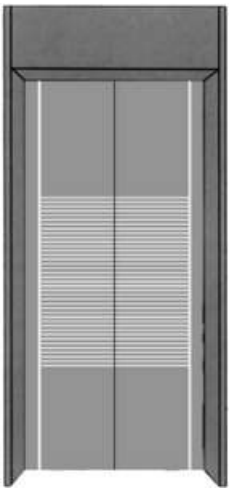
AB - LL03



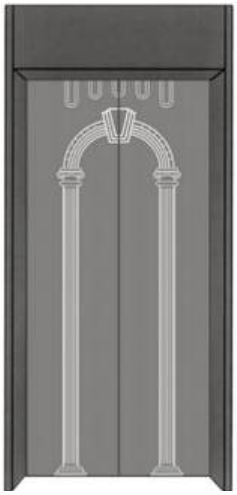
AB - LL04



AB - LL05



AB - LL06



AB - LL07



AB - LL08



AB - LL09



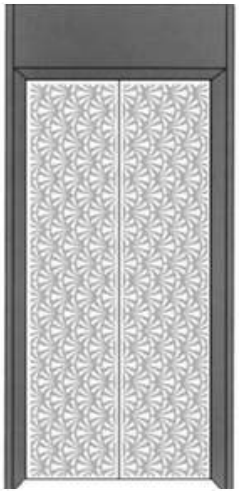
AB - LL10



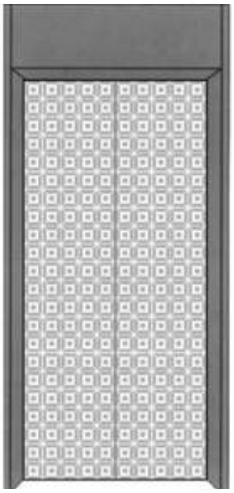
AB - LL11



AB - LL12



AB - LL13



AB - LL14



AB - LL15

Các loại cửa tầng



Cửa khung bản rộng
Cửa mở tim, Inox gương vàng



Cửa khung bản rộng
Cửa mở tim, Inox gương trắng



Cửa khung bản hẹp
Cửa mở tim, Inox sọc trắng



Cửa khung bản rộng
Cửa mở tim, Inox gương đồng



Cửa khung bản hẹp
Cửa mở tim, kính cường lực



Cửa khung bản hẹp
Cửa mở tim, kính cường lực

THANG MÁY TẢI KHÁCH: BẢNG ĐIỀU KHIỂN VÀ BẢNG GỌI TẦNG

- Thiết kế thanh lịch, sang trọng.
- Đáp ứng tần suất sử dụng cao.
- Bảng tín hiệu sắc nét.

Thiết kế tiêu chuẩn

Lựa chọn 1



Lựa chọn 2







PS01A PS01B PS01C PS01D

Thiết kế chọn lọc



AB - CP03



AB - LP02A



AB - LP02B





AB - LP03A



AB - LP03B



AB - LP04A



AB - LP04B

Thiết kế chọn lọc



AB - CP04



AB - CP05



AB - CP06



AB - CP07



AB - CP08



AB - LP05A



AB - LP05B





THANG MÁY TẢI KHÁCH: TAY VỊN THANG MÁY

- Thiết kế hiện đại, tinh xảo.
- Lắp đặt chắc chắn, thuận tiện cho quá trình sử dụng.









Tay vịn thang máy



AB - HR01

Trụ inox 304 vân sợi

AB - HR02

Trụ inox 304 mạ titanium vân sợi



AB - HR03

Trụ inox 304 vân sợi

AB - HR04

Trụ gỗ, đầu inox 304



AB - HR05

Trụ inox 304 vân sợi đôi

AB - HR06

Trụ inox 304 mạ titanium, vân sợi đôi



AB - HR07

Dẹt inox 304 vân sợi

AB - HR08

Dẹt inox 304 mạ titanium vân sợi



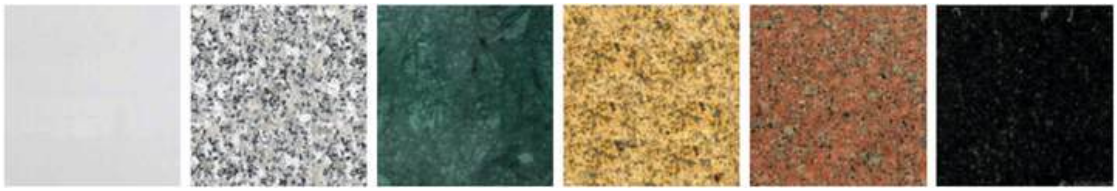
AB - HR09

Trụ gỗ, đầu inox 304 mạ titanium

THANG MÁY TẢI KHÁCH: SÀN THANG

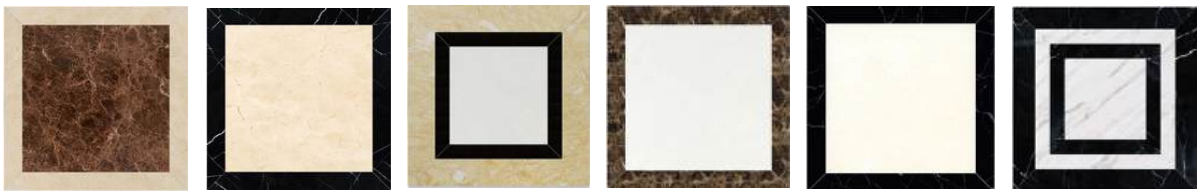
- Sàn đá Granit và tranh kính thẩm mĩ.
- Khả năng chịu lực, mài mòn tốt.
- Dễ chăm sóc, làm sạch.
- Linh hoạt theo kích cỡ thang máy.

Mẫu 1



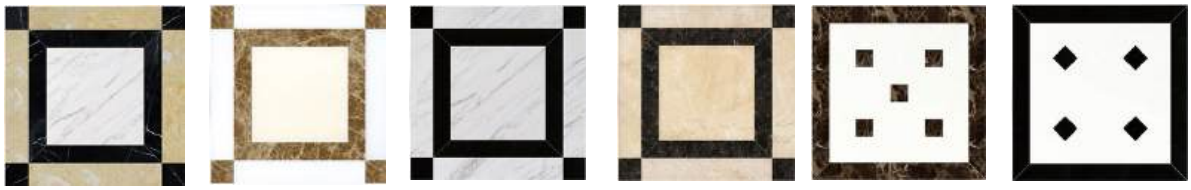
AB - F101 AB - F102 AB - F103 AB - F104 AB - F105 AB - F106

Mẫu 2



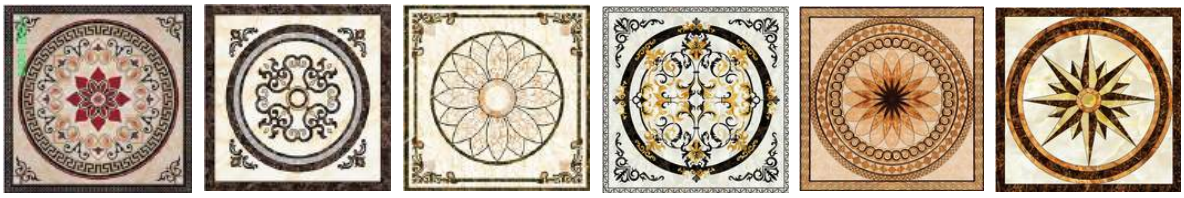
AB - F201 AB - F202 AB - F203 AB - F204 AB - F205 AB - F206

Mẫu 3



AB - F301 AB - F302 AB - F303 AB - F304 AB - F305 AB - F306

Sàn kính thẩm mĩ



AB - F401 AB - F402 AB - F403 AB - F404 AB - F405 AB - F406



AB - F407 AB - F408 AB - F409 AB - F410 AB - F411 AB - F412

THANG MÁY QUAN SÁT

Tại các khách sạn, khu văn phòng, trung tâm mua sắm... hệ thống thang máy quan sát đều mang lại điểm nhấn kiến trúc ấn tượng. Ngắm nhìn dòng chảy đô thị tấp nập từ trên cao, giúp ta kích thích sự sáng tạo và cảm xúc tâm lý thú vị. Cùng với đó là sự an tâm với chuyển động thang máy êm ái, ít tiếng ồn. Thang máy quan sát là sự kết hợp cân bằng giữa công nghệ kỹ thuật tinh xảo và tính thẩm mỹ tinh tế, thời thượng nâng cao tiện nghi và đẳng cấp sống đô thị.



Cabin: Inox 304, kính cường lực
Trần: Inox 304, đèn LED.
Tay vịn: Tay vịn Inox 304 trụ tròn.
Sàn: đá granite

THANG MÁY QUAN SÁT

Sản phẩm	Thang máy quan sát
Sử dụng	Nhà dân dụng hoặc công trình lớn
Hệ thống điều khiển	Điều khiển tốc độ vô cấp VVVF
Nguồn cấp điện	Điện 3 pha 380V
Loại thang máy	Có hoặc không có phòng máy
Cửa kéo	Cửa tự động hoặc mở tay
Tải trọng	300 - 1000 kg
Tốc độ	60 - 90 m/phút
Chiều cao cabin	2200 m



Kính 3 mặt



Kính 1 mặt sau



Kính 2 bên



Cabin kính, Inox trắng



Cabin kính, Inox màu

Mẫu cửa tầng



AB - LL17

Cửa inox 304 sọc nhuyễn.



AB - LL18

Cửa inox 304 sọc nhuyễn, kính cường lực.



AB - LL19

Cửa inox 304 mạ titanium vân sợi, kính cường lực.

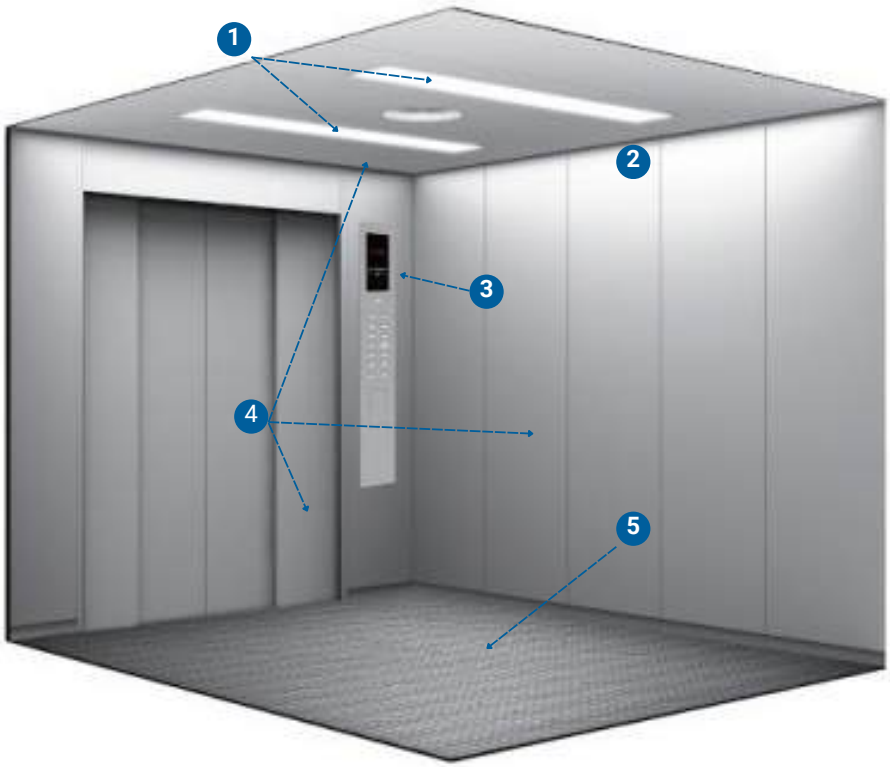
THANG MÁY TẢI HÀNG

Freight elevator

- Sở hữu công nghệ điều khiển vô cấp biến đổi tốc độ VVVF.
- Vận hành êm ái mọi lúc mọi nơi.
- Tiết kiệm điện năng hơn 20% so với thang máy khác.
- Đáp ứng điều kiện làm việc khắc nhiệt.
- Tải hàng ổn định, chắc chắn trọng tải lên tới 3,000 kg
- Thiết kế phù hợp với nhiều cơ sở hạ tầng.
- Cabin rộng rãi, tươi sáng.
- Bảo trì, bảo dưỡng đơn giản.



Thiết kế buồng cabin



1. Hệ thống chiếu sáng tự động.
2. Hệ thống thông gió tự động.
3. Bảng điều khiển.
4. Trần, vách, cửa Inox 304.
5. Sàn chống trượt Inox 304.



Thang máy tải ô tô với bảng điều khiển cạnh bên.

Cửa mở tim 4 cánh cho độ rộng lớn nhất.

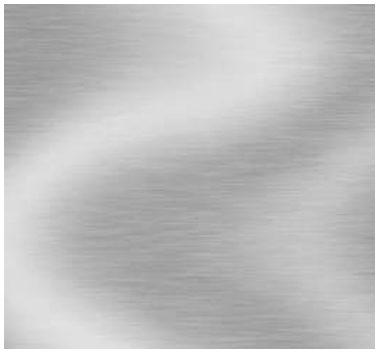




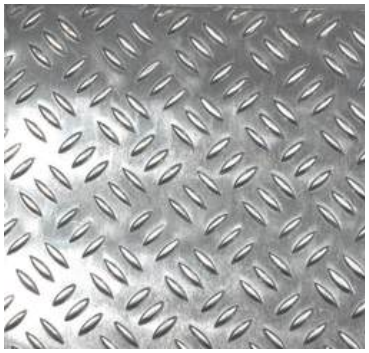
AB - LP01A



AB - CP01



Vật liệu cabin, trần, cửa Inox 304.



Sàn chống trượt Inox 304.



Thanh chống va

Thiết kế cửa thang máy khác



Cửa lùa



Cửa mở tim



Cửa 6 cánh mở tâm



Cửa mở trên dưới



Cửa sắt kéo tay



Cửa cuốn lưới tự động

ĐỘNG CƠ, TỦ ĐIỀU KHIỂN

Motor, control cabinet



Các dòng động cơ

FUJI JAPAN



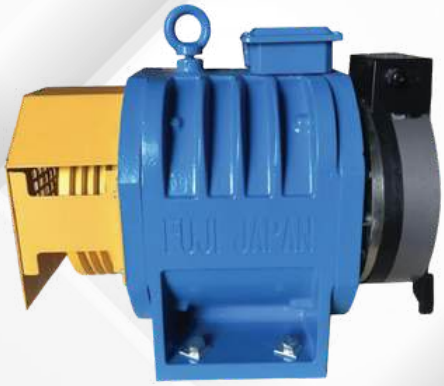
FJG02 630 SERIES

Rated Voltage (V)	380
Roping	2:1
Rated Load (kg)	630
Max. able Load (kg)	2000
Weight (kg)	200
Insulation	F
IP Code	IP41
Installation type	MR/MRL



FJG09 630-1000 SERIES

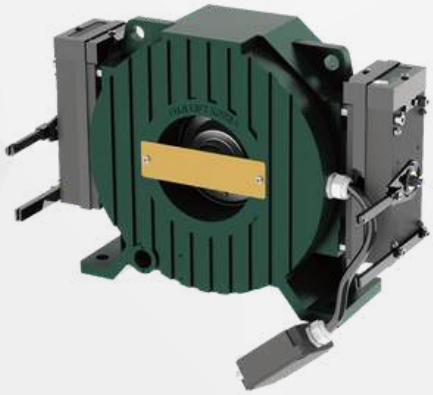
Rated Voltage (V)	380
Roping	2:1
Rated Load (kg)	800 - 1000
Max. able Load (kg)	3000
Weight (kg)	285 - 295
Insulation	F
IP Code	IP41
Installation type	MR/MRL



FJTM01C 450 SERIES

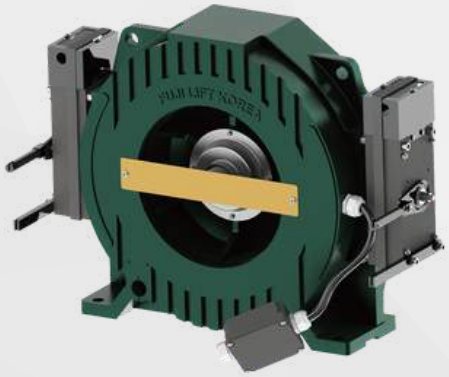
Rated Voltage (V)	220/380
Roping	2:1
Max. able Load (kg)	2500
Rated Load (kg)	450
Weight (kg)	150
Insulation	F
IP Code	IP41
Installation type	MR/MRL

FUJI KOREA



FK100

• Voltage	380V	• Roping	2:1
• Load	(320~630)kg	• Elv. Speed	(1.0~1.5)m/s
• Sheave Diam.	Φ320mm	• Duty	S5-40%
• Shell Protection Grade	IP41	• Ins. Grade	F
• Max. Axle Load	2500kg	• Weight	201kg
Brake	DC110V / 2×1.3A		



FK200

• Voltage	380V	• Roping	2:1
• Load	(320~1250)kg	• Elv. Speed	(0.5~2.5)m/s
• Sheave Diam.	(Φ400/Φ450)mm	• Duty	S5-40%
• Shell Protection Grade	IP41	• Ins. Grade	F
• Max. Axle Load	3500kg	• Weight	295kg
Brake	DC110V / 2×1.3A		



MN200

• Voltage	220V/380V	• Roping	1:1 / 2:1
• Load	(320~630)kg	• Elv. Speed	(0.4~1.75)m/s
• Sheave Diam.	(Φ200/Φ240/Φ320)mm	• Duty	S5-40%
• Shell Protection Grade	IP41	• Ins. Grade	F
• Max. Axle Load	2500kg	• Weight	180kg
Brake	DC110V / 2.5A		

ZIEHL ABEGG - GERMANY

SM190



Motor type	Nominal torque Nm	Max. axle load kg	Nominal speed min^{-1}	Rated output power kW	L1 mm	LH mm	LB mm	D1 mm	L3 mm	Weight kg
SM190.15	250	1850	168...192	4.4...5.0	483	385	320	200	76	160
								240	88	166
SM190.23	380	2400	168...192	6.7...7.6	514	385	320	200	106	195
								240	124	204



SM200.15C/20C/30C

SM200.40D/45D



Motor type	Nominal torque Nm	Max. axle load kg	Nominal speed min^{-1}	Rated output power kW	L1 mm	LH mm	LB mm	D1 mm	L3 mm	Weight kg
SM200.15C	250	1850	96...300	2.5...7.9	487	438	320	160	76	167
							320	200	76	173
							320	210	76	175
							320	240	88	180
							366	320	74	185
SM200.20C	330	2800	96...300	3.3...10.4	518	438	320	160	106	187
					518		320	200	106	193
					518		320	210	106	195
					522		320	240	124	205
					518		366	320	110	210
					518		422	400	92	230
					518		474	450	92	235
SM200.30C	475	2800	96...300	4.8...14.1	564	438	320	200	106	223
							320	210	106	225
							320	240	124	235
							360	320	110	240
							422	400	92	260
							474	450	92	265

Các dòng tủ điều khiển

FUJI JAPAN

FJP8000





FUJI KOREA

MT70





STEP THAILAND

STEP AS380







CHỨC NĂNG THANG MÁY

Elevator features

Chức năng an toàn

Vận hành tốc độ thấp khi gặp sự cố điện	Khi có sự cố về nguồn điện và mạch điện an toàn, thang máy sẽ tự động chạy với tốc độ chậm tới tầng gần nhất, tránh việc hành khách bị nhốt trong thang máy.
Thông báo khi quá tải	Thang máy quá tải khi cửa thang vẫn mở, sẽ có chuông cảnh báo, bảng điều khiển hiển thị “quá tải”.
Dừng thang máy khi chạy lên vượt tốc	Khi thang máy vận hành lên vượt tốc, thang tự động ngắt nguồn điện và kẹp thắng dừng thang.
Dừng thang chạy xuống vượt tốc	Thang tự động ngắt nguồn điện và kẹp thắng đứng khi vận hành xuống vượt tốc.
Đèn cabin sáng khẩn cấp	Khi cúp điện, đèn chiếu sáng khẩn cấp trong cabin sẽ tự sáng lên.
Bảo vệ máy kéo	Khi phát hiện cáp tải bị trượt, máy kéo ngừng vận hành.
Tự điều chỉnh khi vị trí xung bất thường	Khi cáp tải bị trượt ảnh hưởng đến vị trí của xung, hệ thống tự điều chỉnh đúng vị trí.
Bảo vệ động cơ khi nhiệt độ khác thường	Khi nhiệt độ động cơ thay đổi khác thường, hệ thống tự động phát hiện và ngừng hoạt động.
Bảo vệ hố thang	Khi thang máy giảm tốc bất thường, hệ thống lập tức dừng thang, tránh thang chạy vượt đỉnh hoặc xuống hố.
Bảo vệ khi điện quá mức	Khi dòng điện máy kéo vượt mức cài đặt, tự động dừng thang, bảo vệ máy kéo.
Bảo vệ an toàn cửa thang	Tự động mở cửa thang khi cửa thang tiếp xúc với người hoặc vật cản
Bảo vệ mắt điện quang	Nếu 2 con mắt điện quang bị che, thang tự động mở cửa
Bảo vệ màn hồng ngoại	Trong quá trình đóng cửa, bất cứ tia hồng ngoại nào bị che, thang tự động mở ra

Đóng mở cửa thang khi cửa gặp vật bất thường	Khi ray dẫn thang phát hiện vật bất thường ảnh hưởng đến việc đóng mở cửa, cửa tự động đóng mở liên tục đẩy vật cản ra ngoài.
Bảo vệ đóng cửa thang	Khi cửa thang không thể đóng kín sẽ tự động mở lại.
Hệ thống quản lý phòng cháy chữa cháy	Khi phát hiện hỏa hoạn, lập tức xóa bỏ các lệnh gọi trong và ngoài cabin, thang đi tới tầng chỉ định, ngừng thang, mở cửa.
Vận hành với pin dự phòng	Khi mất điện, thang sẽ hoạt động bằng bình ắc quy, đi tới tầng gần nhất và mở cửa.
Vận hành sửa chữa	Vận hành thang dành cho nhân viên kỹ thuật khi sửa chữa, kiểm tra.
Bảo vệ máy kéo	Khi phát hiện cáp tải bị trượt, máy kéo ngừng vận hành.
Bảo vệ khi động đất	Khi thiết bị cảm biến động đất tòa nhà phát hiện động đất sóng S, khu chờ thang và trong cabin sẽ hiển thị tín hiệu báo động đất, thang máy lập tức dừng ở tầng gần nhất và mở cửa cho hành khách ra ngoài. Thông qua việc nhân viên kỹ thuật tới kiểm tra, thang mới hoạt động trở lại. Khi thiết bị phát hiện động đất sóng P, thang máy lập tức dừng lại ở tầng gần nhất và mở cửa cho hành khách. Khu chờ thang và trong cabin sẽ phát tín hiệu báo động đất. Sau khoảng thời gian 1 phút kể từ khi không có tín hiệu động đất, thang tự động khôi phục và vận hành bình thường.

Chức năng an toàn

Tự động tắt chiếu sáng	Khi thang máy hết phục vụ sẽ tự động tắt đèn trong cabin để tiết kiệm điện.
Tự động tắt thông gió	Khi thang máy hết phục vụ sẽ tự động tắt hệ thống quạt thông gió trong cabin.
Hủy lệnh gọi trong cabin	Khi lệnh gọi thang và tải trọng không phù hợp sẽ xóa bỏ lệnh, tránh dừng lắm tầng, tiết kiệm điện năng

Chức năng phục vụ

Điều khiển thang tự động	Căn cứ theo lệnh gọi tầng và lệnh chọn tầng trong cabin, hệ thống tự động chỉ định thang máy vận hành.
Cửa thông nhau	Thang máy dừng tầng đồng thời mở cửa trước và sau.
Ghi nhớ số lần vận hành	Hệ thống sẽ tự động ghi nhớ thời gian vận hành của thang máy, để cung cấp cho nhân viên bảo trì.
Kéo dài thời gian mở cửa	Kéo dài thời gian giữ cửa của thang máy.
Đóng cửa lập tức	Nhấn nút đóng cửa, cửa sẽ đóng ngay.
Đóng cửa lặp lại	Khi đóng cửa gặp vật cản thang máy sẽ tự động đóng lại cho đến khi loại bỏ vật cản.
Công tắc khóa thang	Dùng chia khóa để khởi động hoặc tắt thang máy.
Tự động ghi nhớ sự cố	Khi sự cố sẽ tự động ghi nhớ lại quá trình sự cố để nhanh chóng phân tích xử lý khắc phục.

Chức năng mở rộng

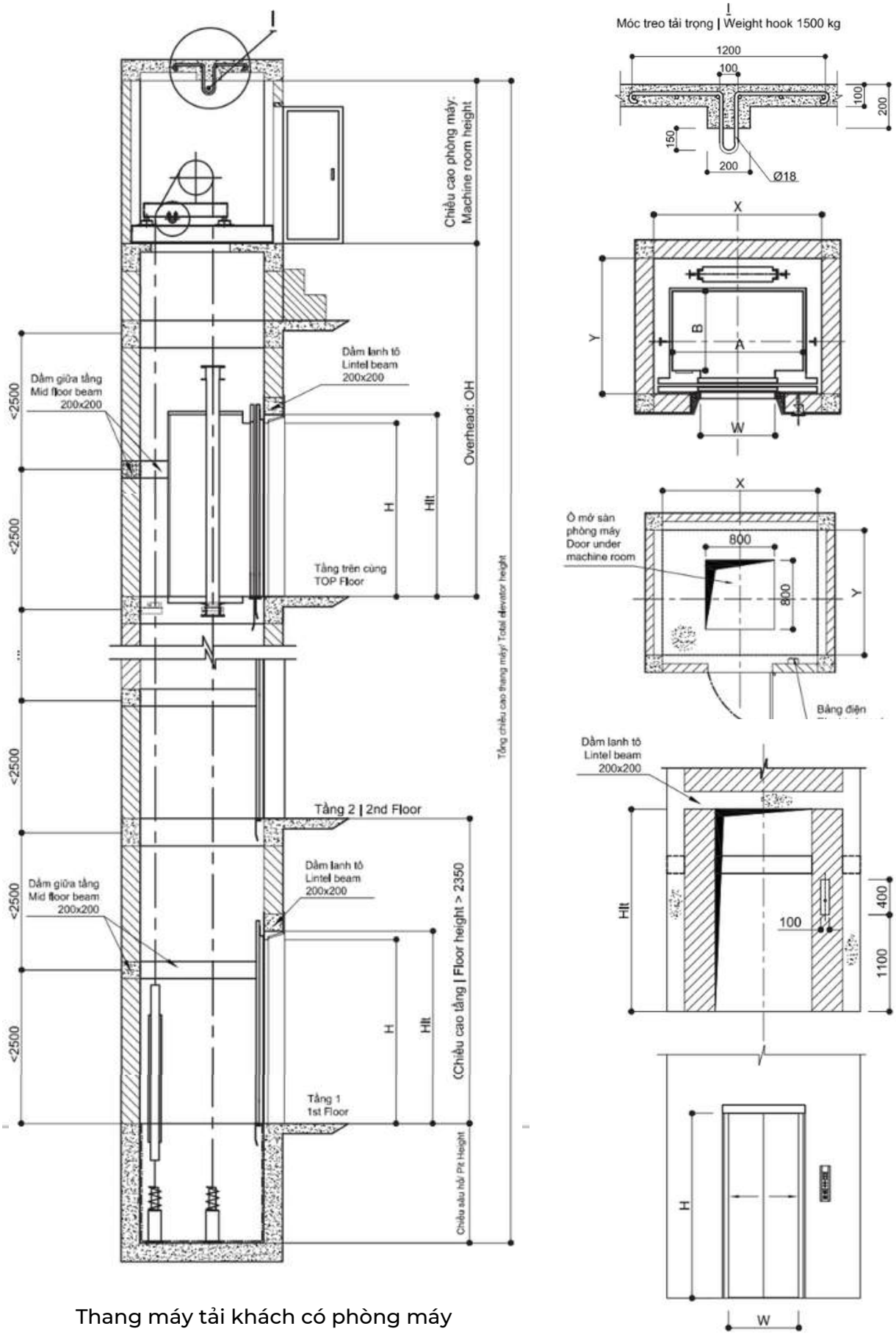
Quản lý thang theo nhóm	Với phương thức vận hành thông minh quản lý nhóm từ 3-8 thang máy.
Quản lý thẻ quẹt	Phân cấp sử dụng thang máy với chức năng đọc thẻ từ.
Vận hành đôi	Kết hợp hai thang máy thành một nhóm để điều khiển nhằm nâng cao hiệu quả cho việc đi lại của tòa nhà.
Cài đặt không dừng tầng	Theo yêu cầu của khách hàng, điều chỉnh tầng phục vụ của thang máy.
Quản lý máy lạnh thang	Cabin thang máy có thể lắp đặt máy lạnh chuyên dụng.



BẢN VẼ VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

DRAWINGS AND TECHNICAL IFNORMATION

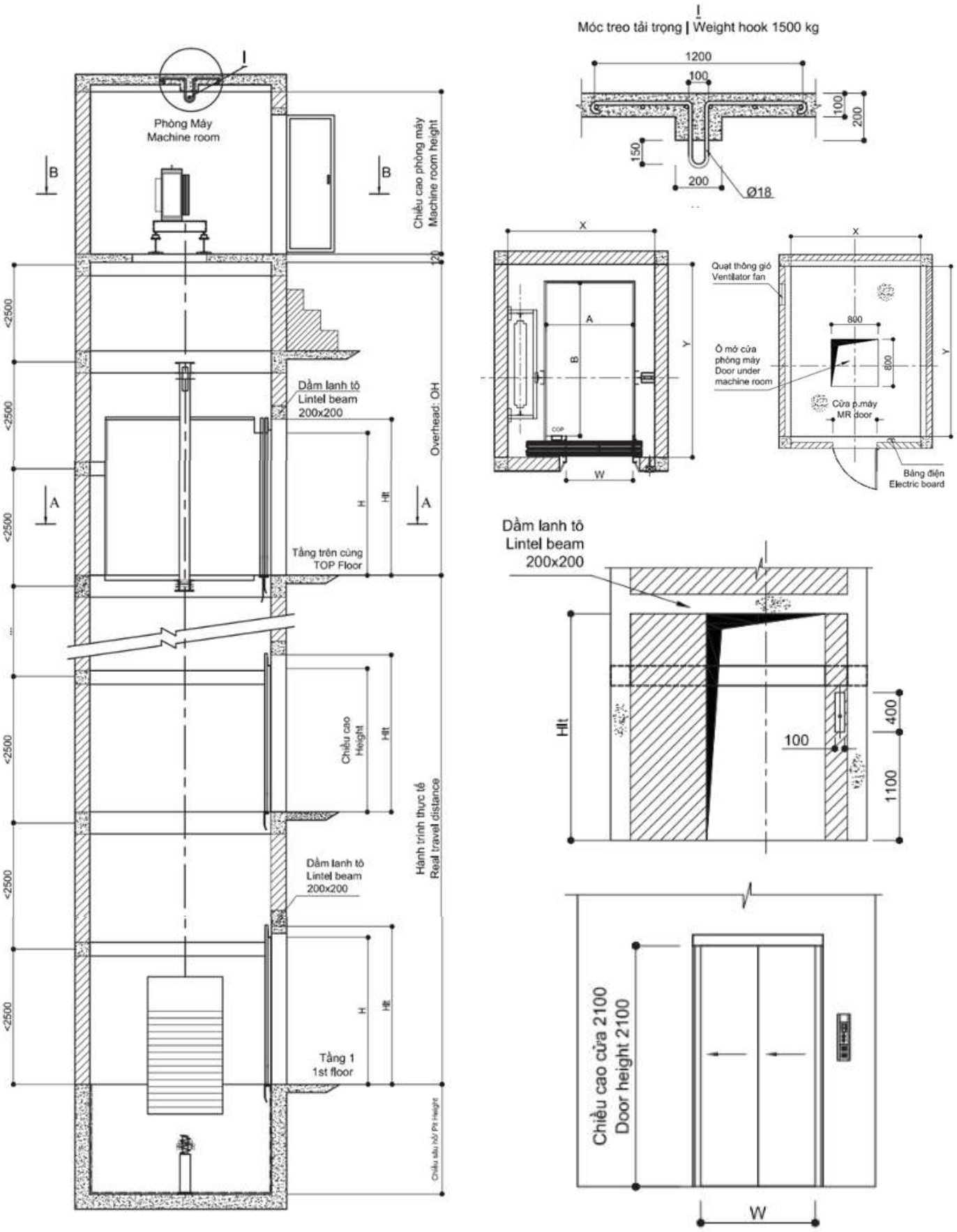
Thang máy tải khách có phòng máy



Thang máy tải khách có phòng máy

Mã	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Kích thước cửa (rộng * cao)	Kích thước cabin (rộng * sâu)	Kích thước Giếng thang			Kích thước phòng máy (rộng * sâu * cao)
	Kg	Số người				rộng * sâu	OH	PIT	
P4 - CO	300	4	60	700 * 2100	1100 * 900	1500 * 1500	3500	1400	2000 * 3000 * 1800
P6 - CO	450	6	60	700 * 2100	1200 * 1000	1600 * 1600	3500	1400	2000 * 3200 * 1800
P6 - CO	550	6	60	800 * 2100	1400 * 850	1800 * 1450	3500	1400	2000 * 3200 * 1800
			90				4300	1500	
			105				4500	1600	
P8 - CO	630	8	60	800 * 2100	1400 * 1000	1800 * 1600	3500	1400	2000 * 3200 * 1800
			90				4300	1500	
			105				4500	1600	
P9 - CO	700	9	60	800 * 2100	1400 * 1000	1800 * 1700	3500	1400	2000 * 3600 * 1800
			90				4300	1500	
			105				4500	1600	
P10 - CO	750	10	60	800 * 2100	1400 * 1200	1800 * 1800	3500	1400	2000 * 3600 * 1800
			90				4300	1500	
			105				4500	1600	
P11 - CO	750	11	60	800 * 2100	1400 * 1300	1800 * 1900	3500	1400	2000 * 3600 * 1800
			90				4300	1500	
			105				4500	1600	
P12 - CO	800	12	60	800 * 2100	1400 * 1400	1800 * 2000	3500	1500	2400 * 4000 * 1800
			90				4300	1600	
			105				4500	1700	
P13 - CO	900	13	60	900 * 2100	1600 * 1350	2100 * 1950	3500	1500	2400 * 4000 * 1800
			90				4300	1600	
			105				4500	1700	
			120				4800	2140	
			150				4900	2140	
P15 - CO	1000	15	60	900 * 2100	1600 * 1500	2100 * 2100	3500	1500	2400 * 4000 * 1800
			90				4300	1600	
			105				4500	1700	
			120				4800	2140	
			150				4900	2140	
P17 - CO	1150	17	60	1000 * 2100	1800 * 1550	2300 * 2200	3500	1500	3000 * 4000 * 1800
			90				4300	1600	
			105				4500	1700	
			120				4800	2200	
			150				4900	2200	
P20 - CO	1350	20	60	1100 * 2100	1800 * 1700	2300 * 2350	3500	1500	3000 * 4000 * 2200

Thang máy tải khách không phòng máy



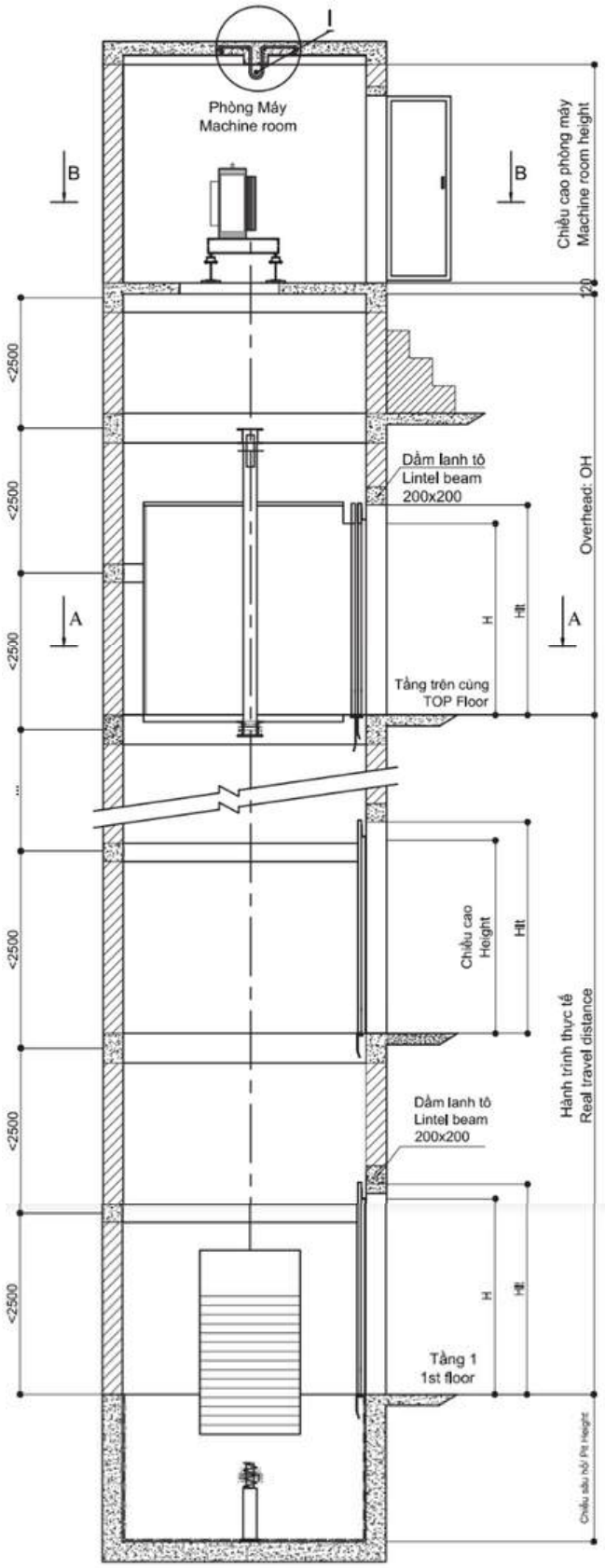
Thang máy tải khách không phòng máy

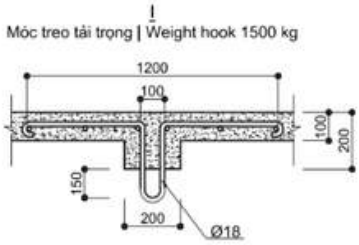
Mã	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Kích thước cửa (rộng * cao)	Kích thước cabin (rộng * sâu)	Kích thước Giếng thang		
	Kg	Số người				rộng * sâu	OH	PIT
P4 - CO	300	4	60	700 * 2100	1100 * 900	1500 * 1500	3500	1400
P9 - CO	450	6	60	700 * 2100	1200 * 1000	1600 * 1600	3500	1550
			90				4500	1650
P9 - CO	630	9	60	800 * 2100	1400 * 1100	1800 * 1700	3500	1550
			90				4500	1650
P11 - CO	750	11	60	800 * 2100	1350 * 1400	2000 * 1800	3500	1550
			90				4500	1600
P14 - CO	1000	14	90	900 * 2100	1600 * 1400	2050 * 1750	3500	1550
			105				4500	1600
P15 - CO	1050	15	60	900 * 2100	1100 * 2100	2000 * 2450	3500	1550
			90				4500	1600

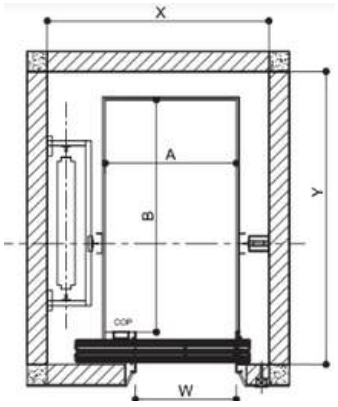
Lưu ý:

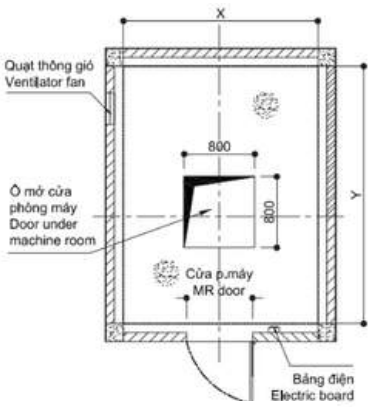
- Thang máy quan sát (có hoặc không có phòng máy) sử dụng cùng thông số kỹ thuật và bản vẽ mẫu của thang máy tải khách.
- Kích thước và bản vẽ của thang máy tải khách có và không có phòng máy mẫu áp dụng trong trường hợp không có khung đối trọng đằng sau.
- Kích thước thang máy được đo lường bằng đơn vị mm.

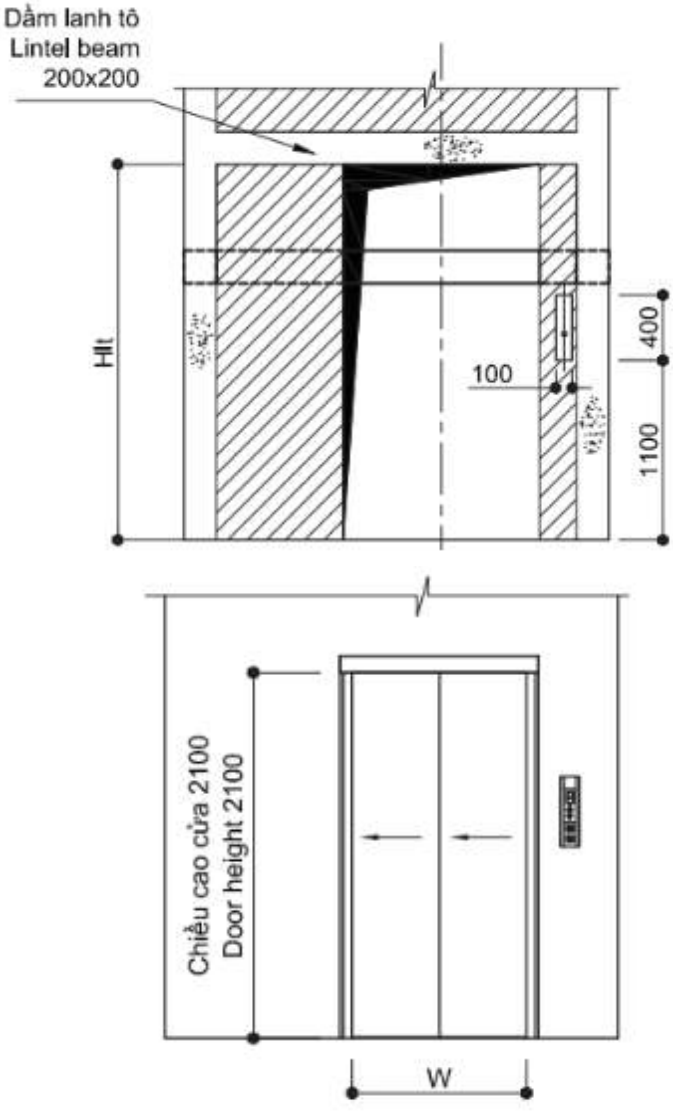
Thang máy tải hàng có phòng máy











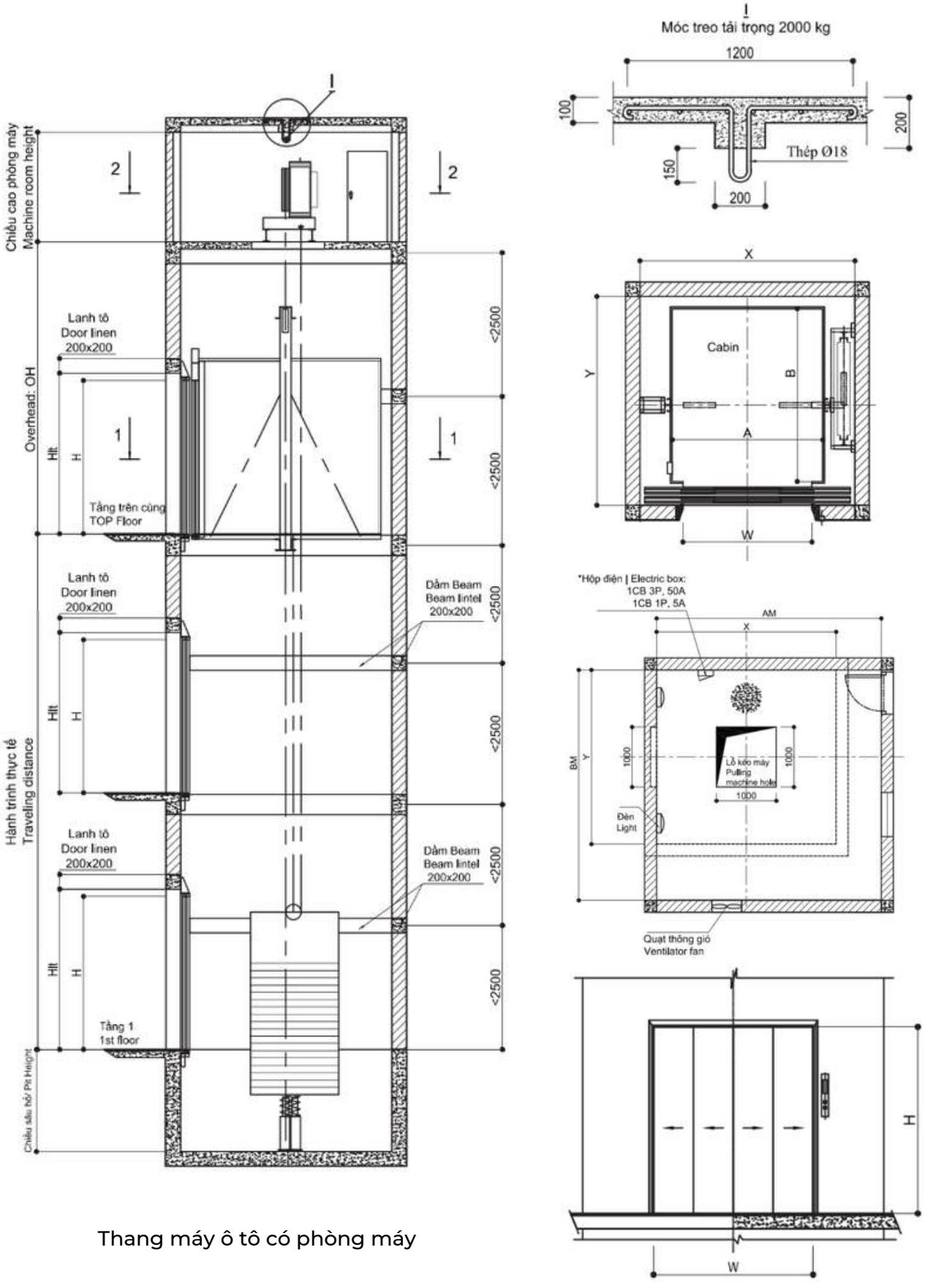
Thang máy hàng có phòng máy

Mã	Tải trọng	Tốc độ (m/phút)	Kích thước cửa (rộng * cao)	Kích thước cabin (rộng * sâu)	Kích thước Giếng thang			Kích thước phòng máy (rộng * sâu * cao)
					rộng * sâu	OH	PIT	
F750 - 2L	750	30	1100 * 2100	1300 * 2300	1800 * 1600	4500	1550	3000 * 4000 * 2500
		60				4500	1650	
F1000 - 2L	1000	30	1400 * 2100	1700 * 2300	2050 * 1700	4500	1550	3000 * 4000 * 2500
		60				4500	1650	
F1500 - FD	1500	30	2200 * 2100	2200 * 2400	2050 * 1750	4500	1550	3000 * 4000 * 2500
		45				4500	1600	
F2000 - FD	2000	30	2200 * 2100	2200 * 2800	2050 * 1750	4500	1550	3600 * 4500 * 2500
		45				4500	1600	
F2500 - FD	2500	30	2500 * 2100	2500 * 3000	2000 * 2450	4500	1550	4000 * 5000 * 2500
F3000 - FD	3000	30	2500 * 2100	2500 * 3400	2000 * 2450	4500	1600	4000 * 5000 * 2500

Lưu ý:

- Thang máy tải hàng và ô tô xử dụng dòng điện 3 pha 380V.
- Kích thước và bản vẽ của thang máy tải hàng có phòng máy mẫu áp dụng trong trường hợp không có khung đối trọng ở bên hông.
- Tỉ số chuyển 1:1 hoặc 1:2.
- Cửa 3 cánh trở lên áp dụng với thang tải trọng trên 2000 kg.
- Kích thước được đo lường theo đơn vị mm

Thang máy ô tô có phòng máy



Thang máy ô tô có phòng máy

Mã	Tải trọng	Tốc độ (m/phút)	Kích thước cửa (rộng * cao)	Kích thước cabin (rộng * sâu)	Kích thước Giếng thang			Kích thước phòng máy (rộng * sâu * cao)
					rộng * sâu	OH	PIT	
C2000-RD	2000	30	2400 * 2100	2400 * 5200	3600 * 6000	4600	1500	5000 * 6000 * 2500
C2500-RD	2500	30	2800 * 2100	2800 * 6000	4000 * 6800	4600	1500	5500 * 6800 * 2500

DỊCH VỤ THANG MÁY AN BÌNH



Thiết kế & lắp đặt

Cam kết giải pháp di chuyển tốt nhất và tối ưu nhất dành cho khách hàng bằng sự chuyên tâm và dày dặn kinh nghiệm của đội ngũ thiết kế và kỹ sư tay nghề cao.



Nâng cấp

Nâng cấp mọi bộ phận thang máy với công nghệ mới nhất, đảm bảo độ tin cậy cao hơn, trải nghiệm thoải mái, hiệu quả, tiện nghi, tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu an toàn.



Bảo trì, bảo dưỡng

Trải nghiệm quy trình bảo trì và chăm sóc thang máy mang tính cá nhân hóa cao nhằm phát hiện mọi vấn đề phát sinh với thang máy của bạn thông qua kiểm tra kỹ lưỡng chi tiết từng bộ phận.



Sửa chữa

Với hệ thống chăm sóc khách hàng luôn hoạt động 24/7/365, chúng tôi sửa chữa nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả mọi vấn đề phát sinh đột ngột, đồng thời tư vấn khách hàng các bước tiếp theo nhằm hạn chế sự cố quay trở lại.

AN BINH EQUIPMENT AND ELEVATOR
GROUP JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Tầng 14 tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Hà Nội.

Website: Thangmayanbinh.com.vn

ANBINH